

CHUẨN HÓA ĐỊA DANH TÂY NGUYÊN

Khó khăn trên thực tiễn

TRỊNH ANH CƠ

Phó Chủ tịch Hội Trắc địa Bản đồ Viễn thám Việt



Tóm tắt

Hiện nay, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam đang tiến hành chuẩn hóa địa danh trên bản đồ. Việc chuẩn hóa địa danh không phải chỉ quan trọng trong xây dựng bản đồ mà còn quan trọng trong cuộc sống thực tế. Chuẩn hóa địa danh luôn gặp phải những khó khăn khi phải chuyển tên gọi giữa các ngôn ngữ khác nhau. Câu chuyện này không chỉ gặp phải khi chuyển địa danh từ ngôn ngữ nước này sang ngôn ngữ nước khác, mà còn gặp phải khi chuyển địa danh giữa ngôn ngữ các dân tộc thiểu số sang quốc ngữ, ví dụ như địa danh theo tên gọi của một dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên sang tiếng Việt.

Bài báo này giới thiệu và kiến nghị các nguyên tắc chủ yếu trong chuẩn hóa địa danh khu vực Tây Nguyên gắn với ngôn ngữ của nhiều dân tộc thiểu số ở đây. Trong số các dân tộc Ê Đê, Kơ Ho, Gia Lai, Ba Na, Sê Đăng và MNông ở Tây Nguyên, chỉ riêng dân tộc MNông có chữ viết tự dạng phi La Tinh, còn các dân tộc còn lại đều có chữ viết tự dạng La Tinh có thêm 4 con chữ W, Z, J, F và dấu phẩy treo (,) so với bộ chữ Quốc ngữ Việt Nam. Việc này khó khăn không khác gì chuẩn hóa địa danh quốc tế.

Từ khóa: địa danh, chuẩn hóa địa danh, Tây Nguyên,

I. Đặt vấn đề

Hiện nay, các đơn vị thuộc Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin Địa lý Việt Nam đang triển khai Thiết kế Kỹ thuật – Dự toán “Xây dựng Hệ thống Thông tin Địa danh Dân cư, Sơn văn, Thủy văn, Kinh tế – Xã hội phần đất liền năm tỉnh Tây Nguyên phục vụ công tác lập Bản đồ với yêu cầu “Chuẩn hóa Địa danh phải đảm bảo tính khoa học, phù hợp với Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chuẩn hóa Địa danh phục vụ công tác lập bản đồ (QCVN37:2011/BTNMT - sau đây gọi tắt là Quy chuẩn chuẩn hóa địa danh).

Các đơn vị thi công đang gặp nhiều khó khăn trong việc áp dụng các nguyên tắc chung về chuẩn hóa địa danh và các mẫu phiên chuyển địa danh các nhóm gốc ngôn ngữ – tộc người cũng như hướng dẫn phiên chuyển địa danh ngôn ngữ gốc các dân tộc thiểu số sang tiếng Việt và cách viết địa danh thuộc Quy chuẩn nói trên.

Bài viết này sẽ đi sâu phân tích về các mâu thuẫn của các Quy chuẩn nói trên và đưa ra các kiến nghị để tìm kiếm giải pháp nhằm trợ giúp cho việc triển khai các đơn vị.

II. Những mâu thuẫn của quy chuẩn chuẩn hóa địa danh

II.1. Yêu cầu kỹ thuật cụ thể của Thiết kế Kỹ thuật dự toán

Theo Thiết kế Kỹ thuật - Dự toán địa danh các tỉnh Tây Nguyên sẽ được phiên chuyển sang tiếng Việt theo mẫu phiên chuyển địa danh gốc nhóm ngôn ngữ – tộc người Ba Na (phụ lục 1 trong quy chuẩn chuẩn hóa địa danh) cho các tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk; mẫu phiên chuyển địa danh gốc nhóm ngôn ngữ – tộc người Nam Đảo (phụ lục 5 trong quy chuẩn chuẩn hóa địa danh) cho các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum, Đắk Nông và được viết theo hướng dẫn phiên chuyển địa danh ngôn ngữ gốc các dân tộc thiểu số sang tiếng Việt và cách viết địa danh (phụ lục 9 trong quy chuẩn chuẩn hóa địa danh).

Theo các phụ lục này, việc phiên chuyển địa danh gốc các dân tộc sang tiếng Việt hoàn toàn tuân thủ các nguyên tắc của quy chuẩn chuẩn hóa địa danh. Tuy nhiên đối với khu vực Tây Nguyên là nơi cư trú của các dân tộc Ê Đê, Kơ Ho, Gia Rai, Ba Na, Sê Đăng và M'Nông chỉ riêng dân tộc M'Nông có chữ viết tự dạng phi La Tinh còn các dân tộc còn lại đều có chữ viết tự

dạng La Tinh có thêm 4 con chữ W, Z, J, F và dấu phẩy treo (') so với bộ chữ Quốc ngữ Việt Nam. Vấn đề này sẽ rất khó khăn cho các đơn vị thi công trong quá trình phiên chuyển địa danh gốc các dân tộc nói trên sang tiếng Việt theo quy chuẩn chuẩn hóa địa danh vì quy chuẩn chuẩn hóa địa danh không cho phép sử dụng dấu phẩy treo và 4 con chữ nói trên nên cách viết chữ địa danh sau khi phiên chuyển sẽ khác lạ so với cách viết địa danh gốc theo tiếng dân tộc (trừ địa danh gốc M'Nông).

II.2. Những mâu thuẫn của quy chuẩn chuẩn hóa địa danh

Nguyên tắc chung chuẩn hóa địa danh tại quy định kỹ thuật của Quy chuẩn chuẩn hóa địa danh có nêu:

■ *Mục 1.1.2: Khi phiên chuyển địa danh các dân tộc thiểu số, địa danh nước ngoài sang tiếng Việt phải phù hợp với bộ chữ và cách đọc của tiếng Việt, tôn trọng tín ngưỡng, tình cảm của các dân tộc.*

■ *Mục 1.1.3: Mỗi địa danh phải được xác định danh từ chung, trừ trường hợp do tính lịch sử của địa danh hoặc do đối tượng địa lý đã bị biến đổi không thể xác định được.*

Nguyên tắc chung chuẩn hóa địa danh Việt Nam (mục 1.2.1 có nêu):

a/ *Giữ nguyên những địa danh đã được quy định hoặc thể hiện thống nhất tại văn bản pháp lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các văn bản pháp lý về biên giới giữa nước CHXNCN Việt Nam với các nước.*

c/ *Địa danh sau khi chuẩn hóa được viết bằng chữ Quốc ngữ, theo chính tả tiếng Việt, không có dấu phẩy treo, hạn chế sử dụng dấu gạch nối.*

● *Mục b trong cách viết địa danh Việt Nam thuộc phụ lục hướng dẫn phiên chuyển địa danh ngôn ngữ gốc các dân tộc thiểu số sang tiếng Việt và cách viết địa danh (phụ lục 9 trong quy chuẩn chuẩn hóa địa danh) có nêu: sử dụng chữ cái hoặc tổ hợp chữ cái thuộc bộ chữ tiếng Việt (trong một số trường hợp có bổ sung 4 chữ cái W, Z, J, F) để ghi các phụ âm đầu tương ứng hoặc phụ âm có cách đọc gần đúng với địa danh nguyên ngữ.*

Bản thân các nguyên tắc và quy định nêu trên có những mâu thuẫn với nhau, trái ngược nhau. Cụ thể:

● Nếu áp dụng nguyên tắc a thuộc mục 1.2.1 sẽ có nhiều địa danh được viết với dấu phẩy treo và bốn con chữ W, Z, J, F. Ví dụ: các địa danh hành chính (tên

huyện, xã) M'Drăk, Eaweah, Cư Jut... trong khi các địa danh dân cư cấp dưới (buôn, làng), địa danh sơn văn, địa danh thủy văn lại không được dùng mà phải phiên chuyển theo các mẫu phiên chuyển tại phụ lục 1 và phụ lục 5. Lưu ý là rất nhiều địa danh hành chính lại được đặt tên theo địa danh sơn văn và thủy văn.

- Nếu áp dụng nguyên tắc chung chuẩn hóa địa danh tại mục 1.1.2 thì địa danh sau khi phiên chuyển phải phù hợp với bộ chữ và cách đọc tiếng Việt, tôn trọng tín ngưỡng, tình cảm của các dân tộc. Tuy nhiên, việc viết địa danh sau khi phiên chuyển theo bộ chữ và các đọc của tiếng Việt thì mặt chữ sẽ rất khác và xa lạ với nguyên ngữ. Việc này ảnh hưởng đến tín ngưỡng và tình cảm của các dân tộc nên rất khó được bà con dân tộc chấp nhận. Ví dụ: đăk M'Bre phải được viết thành đăk Mơ Bre, đăk Peurr phải được viết thành đăk Pơ...

- Nếu áp dụng nguyên tắc chung chuẩn hóa địa danh tại mục 1.1.3 thì mỗi địa danh phải được xác định danh từ chung là một việc không dễ đối với địa danh sơn văn, thủy văn vùng Tây Nguyên. Ví dụ: người dân tộc viết Ya Ly, Krong Ana có nghĩa là sông Ly và sông Ana trong khi chúng ta quen gọi là sông Ya ly và sông Krông Ana (sai lầm này tương tự như trước đây chúng ta gọi sông Hồng Hà, sông Tiền Giang, sông Hậu Giang mà đúng ra phải gọi là sông Hồng, sông Tiền, sông Hậu).

Một con sông có thể chảy qua địa bàn cư trú của các dân tộc khác nhau nên sông Ya Ly sẽ có đoạn viết

là Ea Ly, la Ly nên cần xác định địa bàn cư trú của các dân tộc và sự cộng tác chặt chẽ của các chuyên gia ngôn ngữ.

Để xử lý những mâu thuẫn nói trên là vấn đề không đơn giản, cần được trao đổi rộng rãi, kỹ lưỡng giữa lãnh đạo Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin Địa lý Việt Nam, các đơn vị thi công và chuyên gia địa danh, ngôn ngữ nhằm tìm ra giải pháp cụ thể và riêng cho việc chuẩn hóa địa danh Tây Nguyên.

III. Kiến nghị

1. Vì hiện nay nước ta chưa có Ủy ban Quốc gia về Địa danh nên việc sử dụng và chuẩn hóa địa danh được tiến hành theo những quy định riêng của mỗi Bộ, ngành. Đối với Bộ Tài nguyên và Môi trường thì quy chuẩn chuẩn hóa địa danh là văn bản cao nhất, vì vậy mỗi thay đổi so với quy chuẩn chuẩn hóa địa danh phải được báo cáo và được Bộ Tài nguyên và Môi trường cho phép.

2. Việc chuẩn hóa địa danh Tây Nguyên là vấn đề hết sức khó khăn vì liên quan đến địa danh học, kỹ thuật chuẩn hóa địa danh, ngôn ngữ và tín ngưỡng của các dân tộc cũng như chủ quyền lãnh thổ quốc gia nên không thể giải quyết một cách chủ quan, thiển cận mà Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin Địa lý Việt Nam cần tham vấn ý kiến rộng rãi của các chuyên gia địa danh, ngôn ngữ trước khi đưa ra các giải pháp cuối cùng trình Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt.

